TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 10-THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 583/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 30-9-2025
V/v tranh chấp ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

*Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa***:** Bà Ôn Kim Chi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Trí Dũng
2. Bà Phan Thị Tuyết Hằng

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Thanh Bình – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 tham gia phiên tòa: Ông Võ Kim Cường - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 09 năm 2025, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 10 – Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 492/2025/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 06 năm 2025 về "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 263/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 08-08-2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 338/2025/QĐST-HNGĐ ngày 08-09-2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà **Huỳnh Châu P**, sinh năm: 1989. (Vắng mặt và có nộp đơn xin vắng mặt)

Căn cước công dân: 079189xxxxxx, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 30/11/2022.

Địa chỉ: 63 B, phường P (phường X, quận Y cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

Người đại diện ủy quyền: Bà Trần Thị Minh T, sinh năm: 2001, địa chỉ: 479/34 H, phường B (phường B, quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh và bà Nguyễn Phạm Quỳnh N, sinh năm: 1999, địa chỉ: Đ2, phường L (phường M, thành phố L cũ), tỉnh A. Theo giấy ủy quyền lập tại Văn phòng Công chứng Bình Tân, địa chỉ: số 759 Tỉnh lộ 10, phường An Lạc (phường B, quận C cũ), Thành phố Hồ Chí Minh; Số công chứng: 004014, Quyển số: 05/2025 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 16/05/2025).

Bị đơn: Ông **Lê Thành Đ**, sinh năm: 1989. (Vắng mặt)

Căn cước công dân: 052089xxxxxx, nơi cấp: Cục cảnh sát Quản lý hành chính về trật tự xã hội, ngày cấp: 18/02/2023. Điện thoại: 0985.xxx.xxx.

Địa chỉ: Số B13A/26/B3 C, ấp 2, xã T (xã V, huyện D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 20 tháng 05 năm 2025, bản tự khai ngày 20/06/2025 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn – bà Huỳnh Châu P bày như sau:

Bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân phường X, Quận Y (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số: 01/2010, ngày đăng ký kết hôn: 24/09/2010). Qua thời gian chung sống, bà P và ông Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn không thể hàn gắn, cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt, không còn sự sẻ chia trong đời sống hàng ngày dẫn đến đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó, bà P yêu cầu được ly hôn với ông Lê Thành Đ.

Về con chung: Bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ chung sống với nhau có 03 (ba) con chung như sau:

1. Lê Huỳnh Thành C, sinh ngày: 24/01/2011, giới tính: Nam.
2. Lê Huỳnh Ngọc C, sinh ngày: 16/12/2012, giới tính: Nữ.
3. Lê Huỳnh Thiên V, sinh ngày: 08/10/2022, giới tính: Nam.

Hiện tại các con đều do bà P trực tiếp nuôi dưỡng. Do đó, bà P yêu cầu được tiếp tục nuôi các trẻ Lê Huỳnh Thành C, Lê Huỳnh Ngọc C, Lê Huỳnh Thiên V. Bà P không yêu cầu ông Lê Thành Đ cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Bà Huỳnh Châu P xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về nợ chung: Bà Huỳnh Châu P xác nhận không có nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Tại phiên tòa bà Huỳnh Châu P vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu Toà án giải quyết vắng mặt bà P.

Bị đơn – ông Lê Thành Đ đã được Tòa án nhân dân Khu vực 10 (Tòa án nhân dân huyện D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh tống đạt tại nơi cư trú: B13A/26/B3 C, ấp 2, xã T (xã V, huyện D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh gồm các văn bản tố tụng của Tòa án như: Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự; Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo kết quả về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa nhưng ông Đ vắng mặt tại các phiên hòa giải, phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và các phiên tòa xét xử.

Tại phiên tòa ông Lê Thành Đ vắng mặt không lý do.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện D phát biểu quan điểm về việc tuân theo pháp luật tố tụng và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và những người tham gia tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn - bà Huỳnh Châu P. Về án phí: Bà Huỳnh Châu P chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên

tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

Về áp dụng pháp luật tố tụng và pháp luật nội dung:

[1] Về quan hệ tranh chấp: Nguyên đơn là bà Huỳnh Châu P nộp đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Lê Thành Đ tại Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh, hiện tại ông Lê Thành Đ cư trú tại xã T (xã V, huyện D cũ), Thành phố Hồ Chí Minh. Do đó, Tòa án nhân dân Khu vực 10, Thành phố Hồ Chí Minh có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh (Theo giấy chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số: 01/2010, ngày đăng ký kết hôn: 24/09/2010). Do đó, hôn nhân giữa bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ là hôn nhân hợp pháp.

[3] Về việc xét xử vắng mặt đương sự: Tại phiên tòa nguyên đơn – bà Huỳnh Châu P vắng mặt và có nộp đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt bà P. Bị đơn – ông Lê Thành Đ vắng mặt tại phiên tòa xét xử đến lần thứ hai. Căn cứ khoản 2 Điều 227 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự quy định thì Toà án vẫn tiến hành xét xử.

Về các yêu cầu của các đương sự:

[4] Nguyên đơn – bà Huỳnh Châu P yêu cầu ly hôn với bị đơn – ông Lê Thành Đ ; Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên là Lê Huỳnh Thành C, sinh ngày: 24/01/2011, giới tính: Nam; Lê Huỳnh Ngọc C, sinh ngày: 16/12/2012, giới tính: Nữ; Lê Huỳnh Thiên V, sinh ngày: 08/10/2022, giới tính: Nam. Sau khi ly hôn nguyên đơn yêu cầu tiếp tục nuôi dưỡng 03 trẻ Lê Huỳnh Thành C, Lê Huỳnh Ngọc C, Lê Huỳnh Thiên V. Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Toà án giải quyết; Về nợ chung: nguyên đơn tự khai không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Bị đơn - ông Lê Thành Đ vắng mặt không đến Tòa án, không nộp văn bản cũng như không trình bày ý kiến để bảo vệ quan điểm của mình đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, nên được coi là từ bỏ quyền trình bày của mình trước toà.

[6] Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn theo đơn khởi kiện của bà Huỳnh Châu P đối với ông Lê Thành Đ. Bà Huỳnh Châu P chịu tiền án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, căn cứ vào lời trình bày của đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử xét thấy:

[6] Về quan hệ hôn nhân: Hội đồng xét xử xét thấy tình nghĩa vợ chồng phải có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ và thực hiện các công việc trong gia đình. Hai bên đã không thực hiện đúng quy định tại Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, để đời sống chung không thể hàn gắn, mục đích hôn nhân không đạt được, tình cảm vợ chồng lạnh nhạt với nhau, ly thân với nhau, để một trong hai bên có yêu cầu ly hôn. Bị đơn không lên Tòa án bảo vệ quan điểm yêu cầu đoàn tụ của mình và có biện pháp khắc phục, hàn gắn tình cảm vợ chồng, đem lại hạnh phúc gia đình. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn là phù hợp quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[7] Về con chung: Có 03 (ba) con chung tên là Lê Huỳnh Thành C, sinh ngày: 24/01/2011, giới tính: Nam; Lê Huỳnh Ngọc C, sinh ngày: 16/12/2012, giới tính: Nữ; Lê Huỳnh Thiên V, sinh ngày: 08/10/2022, giới tính: Nam. Hiện tại cả 03 trẻ đều do nguyên đơn trực tiếp nuôi dưỡng nên nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng 03 trẻ Lê Huỳnh Thành C, Lê Huỳnh Ngọc C, Lê Huỳnh Thiên V. Hội đồng xét xử xét thấy tại biên bản ghi nhận ý kiến của trẻ Lê Huỳnh Thành C và trẻ Lê Huỳnh Ngọc C đều có nguyện vọng muốn chung sống với mẹ và em trai Lê Huỳnh Thiên V. Hội đồng xét xử xét thấy cần duy trì tình hình sinh sống, học tập của các trẻ nên chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, giao các trẻ Lê Huỳnh Thành C, Lê Huỳnh Ngọc C, Lê Huỳnh Thiên V cho nguyên đơn tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng.

[8] về cấp dưỡng nuôi con: Nguyên đơn không yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con. Do đó, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với bị đơn.

[9] Về tài sản chung: Nguyên đơn xác nhận tài sản chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[10] Về nợ chung: Nguyên đơn xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét giải quyết.

[11] Về án phí sơ thẩm: Nguyên đơn chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn.

Vì các lẽ nêu trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 91, 93, 94, 95, 96, 97, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 56, Điều 57 và Điều 58 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Huỳnh Châu P.

Quan hệ hôn nhân giữa bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ chấm dứt kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

Giấy Chứng nhận kết hôn số: 103, quyển số: 01/2010, ngày đăng ký kết hôn: 24/09/2010 tại Ủy ban nhân dân phường X, Quận Y (nay là phường P), Thành phố Hồ Chí Minh cấp cho bà Huỳnh Châu P và ông Lê Thành Đ không còn giá trị pháp lý kể từ ngày bản án ly hôn của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

2- Về con chung: Có 03 (ba) con chung

- Lê Huỳnh Thành C, sinh ngày: 24/01/2011, giới tính: Nam.
- Lê Huỳnh Ngọc C, sinh ngày: 16/12/2012, giới tính: Nữ.
- Lê Huỳnh Thiên V, sinh ngày: 08/10/2022, giới tính: Nam.

Bà Huỳnh Châu P được quyền tiếp tục nuôi dưỡng 03 (ba) trẻ Lê Huỳnh Thành C, Lê Huỳnh Ngọc C, Lê Huỳnh Thiên V.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con đối với ông Lê Thành Đ.

Ông Lê Thành Đ có quyền tới lui thăm nom chăm sóc con chung không ai có quyền ngăn cản. Vì lợi ích con chung khi cần thiết có thể xin thay đổi nuôi con hoặc đóng góp mức cấp dưỡng nuôi con sau này.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc chăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

3- Về tài sản chung: Bà Huỳnh Châu P xác nhận và không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

4- Về nợ chung: Bà Huỳnh Châu P xác nhận không có nợ chung và không yêu cầu Toà án giải quyết. Do đó, Tòa án không xem xét, giải quyết.

5- Về án phí: Bà Huỳnh Châu P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng (Ba trăm năm nghìn đồng), được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm mà bà P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: 0052678 ngày 03 tháng 06 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện D, Thành phố Hồ Chí Minh (nay là Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh). Bà Huỳnh Châu P đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

6- Về quyền kháng cáo, thời hạn kháng cáo:

Thời hạn kháng cáo đối với bản án của Tòa án cấp sơ thẩm là 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án; đối với đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014) thì người được thi án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014); thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM (1);
- VKSND khu vực 10 (2);
- Thi hành án dân sự TP.HCM (1);
- Các đương sự (4);
- Cơ quan nơi cấp Giấy chứng nhận kết hôn (1);
- Lưu VP, hồ sơ vụ án (5).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Ôn Kim Chi

2 000018 582206